TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2018
V/v: "Xin ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Mích - Kiểm sát viên**.**

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 505/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số X Lữ G, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số X Lữ G, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H và anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hiếu thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con

và gia đình dẫn đến bất hòa trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên năm 2003 chị đã từng uống thuốc tự tử và cuối năm 2017 chị nộp đơn xin ly hôn nhưng do anh H níu kéo nên chị đã rút đơn ly hôn để cho anh H một cơ hội.Tuy nhiên anh H vẫn không thay đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung, chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 01/10/1999 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 04/5/2015, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Việt A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu toà án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung, chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh hay uống rượu và có một vài lần đánh chị H, đồng thời anh cũng thừa nhận do vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên chị H đã có lần uống thuốc tử tử và gửi đơn xin ly hôn ra Tòa nhưng do anh níu kéo nên chị H đã rút đơn. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, anh đã nhận ra lỗi lầm của mình và đang cố gắng sửa chữa nên anh mong muốn chị H suy nghĩ lại để đoàn tụ gia đình nuôi dạy con chung. Về con chung, vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 01/10/1999 và Nguyễn Việt A, sinh ngày 04/5/2015, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Việt A, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H. Về con chung chị yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Việt A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời chị H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu. Còn anh H không đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Về con chung, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Việt A, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải

quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh xác định vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có mặt tại phiên toà đã chấp hành đúng nội quy phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H và giao con chung là Nguyễn Việt A cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không xem xét, nợ chung không có nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên toà, chị H xác định không còn tình cảm với anh H và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng do vợ chồng không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh H thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra xung đột, không hạnh phúc. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân anh H cũng không thật sự cố gắng trong việc tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 01/10/1999 và cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 04/5/2015. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Việt A. Xét thấy, hiện nay cháu Việt A còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy cần giao con chung là Nguyễn Việt A cho

chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Bảo H đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh H xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung, chị H và anh H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147 ; Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Việt A, sinh ngày 04/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0008366 ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (25/10/2018) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Ngọc